

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 01-02-2024

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Thị Kim Phượng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Công Tài;

2. Ông Nguyễn Ngọc Chín.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 191/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị N, sinh năm 1990. *Có mặt.*

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990. *Có mặt.*

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2023, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 09/3/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh

Q.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trần Tuấn K, sinh ngày 21/5/2012 và Nguyễn Trần An N, sinh ngày 28/01/2020. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu K, N và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/11/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn - anh Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 09/3/2012. Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, nay chị N cương quyết xin ly hôn anh đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trần Tuấn K, sinh ngày 21/5/2012 và Nguyễn Trần An N, sinh ngày 28/01/2020. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, giao cháu K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con của chị Trần Thị N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị N có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Nguyễn Văn Q; địa chỉ: tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Nay, chị N xin ly hôn với anh Q và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Q tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 09/3/2012 nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Sau khi kết hôn chị N, anh Q chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường hay cãi nhau. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N đều cương quyết xin ly hôn và anh Q cũng thống nhất thuận tình ly hôn theo yêu cầu của chị N. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N, anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị N và anh Q có 02 con chung tên là Nguyễn Trần Tuấn K, sinh ngày 21/5/2012 và Nguyễn Trần An N, sinh ngày 28/01/2020. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kiệt và cháu Nhi; anh Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhi, thống nhất giao cháu Kiệt cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét điều kiện nuôi con của các bên thì thấy: Chị N cung cấp Giấy xác nhận công tác đề ngày 11/11/2023 thể hiện chị đang làm kế toán cho Công ty TNHH Đại lý thuê và Dịch vụ kế toán H, loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn, mức lương 7.000.000 (*Bảy triệu*) đồng/tháng cho thấy chị có công việc và thu nhập ổn định để nuôi con. Anh Q không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nghề nghiệp và thu nhập của mình.

Đối với cháu K, chị N và anh Q đều thống nhất giao cháu K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, việc thoả thuận này phù hợp với nguyện vọng của cháu K tại biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2023 nên cần chấp nhận sự thỏa thuận trên, giao cháu K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với cháu N, chị N và anh Q đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, theo chị N từ ngày 30/11/2023, anh Q tự ý chuyển trường cho cháu N từ Trường Mầm non tư thục N (tổ dân phố Y, thị trấn H) sang Trường Mẫu giáo H (điểm trường Đ). Từ đó, anh Q không cho chị đưa đón con, không cho chị gặp con. Lời trình bày của chị N phù hợp với thông tin mà đại diện Trường Mẫu giáo H cung cấp tại Biên bản xác minh ngày 17/01/2024: *"Theo đơn báo hộ ngày 06/11/2023, anh Q trình bày vì muốn giờ giấc đưa đón cháu ổn định nên tôi chỉ giao cho tôi và ông nội cháu là ông Nguyễn Văn C đưa đón vì sợ không an toàn cho cháu... Anh Q nói anh và chị N đang thực hiện thủ tục ly hôn tại Tòa án nhưng chưa có quyết định ly hôn, vợ chồng anh thỏa thuận mỗi người nuôi mỗi cháu, anh Q nuôi cháu N. Quá trình cháu N học tại trường anh Q đưa đón là chủ yếu, khi nào anh Q bận thì ông nội đưa đón. Mẹ cháu N là chị N có đến trường xin đón cháu nhiều lần (không nhớ rõ số lần), nhưng do anh Q yêu cầu chỉ anh và ông nội mới được đón cháu nên nhà trường yêu cầu chị N gọi điện báo cho anh Q thì nhà trường mới cho đón vì sự an toàn của học sinh. Tuy nhiên, chị N cho rằng chị là mẹ nên có quyền đón con chứ không gọi*

điện cho anh Q nên nhà trường không cho đón cháu N". Theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Luật Hôn nhân và Gia đình thì: "Mọi thoả thuận của cha mẹ, con liên quan đến quan hệ nhân thân, tài sản không được làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên,..." và tại khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân và Gia đình cũng quy định: "Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên,...". Như vậy, mặc dù chị N, anh Q chưa ly hôn, nhưng anh Q đã có hành vi ngăn cấm không cho chị N đưa đón con, không cho chị N gặp con, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của cháu N và hạn chế quyền làm mẹ của chị N. Cháu N còn nhỏ và là bé gái nên cần sự chăm sóc của mẹ. Hơn nữa, chị N có công việc và thu nhập ổn định để nuôi con, trong khi anh Q không chứng minh được nghề nghiệp và thu nhập của mình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo hơn cho sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của cháu.

Vì vậy, căn cứ các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần giao cháu Nguyễn Trần Tuấn K và cháu Nguyễn Trần An N cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N đối với anh Nguyễn Văn Q về việc "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Tuấn K, sinh ngày 21/5/2012 và Nguyễn Trần An N, sinh ngày 28/01/2020 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi

dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị N không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Trần Thị N phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị N đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012413 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/02/2024).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Ủy ban nhân dân thị trấn H  
(Giấy CNKH số 10 ngày 09/3/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Châu Thị Kim Phụng**